

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	165.567.150	156.052.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.052.613.577	8.789.943.143
<b>Cộng</b>	<b><u>13.218.180.727</u></b>	<b><u>8.945.995.929</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b><u>4.627.022.400</u></b>	-
Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.627.022.400	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b><u>22.051.614.392</u></b>	<b><u>31.718.015.420</u></b>
Công ty TNHH sản xuất thương mại Chính Duyệt	2.288.382.000	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	2.638.251.000	-
Công ty TNHH một thành viên thủy sản Hải Kim	-	3.464.895.000
Công ty TNHH Den Ti	2.515.520.000	1.034.769.600
Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Nguyễn Dương	-	1.909.320.000
Binca Seafoods	7.672.517.950	-
Kon Trading	-	2.399.637.300
Marubeni	6.124.107.760	13.886.226.000
Nichirei	-	2.470.286.520
The Deep Seafood Co LLC	-	5.481.405.000
Các khách hàng khác	812.835.682	1.071.476.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.678.636.792</u></b>	<b><u>31.718.015.420</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.207.539.950	1.445.655.600
Công ty TNHH một thành viên điện lạnh công nghiệp Ba	-	165.000.000
Đỗ Minh Trang	-	217.000.000
Nguyễn Thu Hà	400.000.000	400.000.000
Nguyễn Xuân Quế	400.000.000	400.000.000
Các nhà cung cấp khác	407.539.950	263.655.600
<b>Cộng</b>	<b>1.207.539.950</b>	<b>1.445.655.600</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	555.184.588	70.000.000	665.321.772	118.398.749
Bảo hiểm xã hội	266.169.888	-	220.240.067	-
Bảo hiểm y tế	13.746.860	-	15.116.179	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.164.573	-	10.077.453	-
Tạm ứng	38.062.650	-	86.100.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	17.820.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	210.220.617	70.000.000	333.788.073	118.398.749
<b>Cộng</b>	<b>555.184.588</b>	<b>70.000.000</b>	<b>665.321.772</b>	<b>118.398.749</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	-	-	17.820.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	-	-	17.820.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.820.000</b>	<b>-</b>

**5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		159.375.000	-	1.169.374.749	-
Công ty TNHH Việt Thái Phong		-	-	Trên 3 năm 929.126.000	-
Huỳnh Thắng Lợi		-	-	Trên 3 năm 121.850.000	-
Trần Hoàng Chen	Trên 3 năm	70.000.000	-	Trên 3 năm 70.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	89.375.000	-	Trên 3 năm 48.398.749	-
<b>Cộng</b>		<b>159.375.000</b>	<b>-</b>	<b>1.169.374.749</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>
Số đầu năm	(1.169.374.749)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.009.999.749
<b>Số cuối năm</b>	<b>(159.375.000)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	444.426.572	-	755.212.904	-
Công cụ, dụng cụ	2.262.694.336	-	2.123.442.256	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.855.000	-	68.236.000	-
Thành phẩm	79.963.435.587	(6.412.584.775)	110.351.185.626	(16.918.677.467)
Hàng gửi đi bán	1.219.939.261	-	3.551.377.593	-
<b>Cộng</b>	<b>83.954.350.756</b>	<b>(6.412.584.775)</b>	<b>116.849.454.379</b>	<b>(16.918.677.467)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(16.918.677.467)	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	(16.918.677.467)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	10.506.092.692	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(6.412.584.775)</b>	<b>(16.918.677.467)</b>

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	-	107.804.525
Chi phí sửa chữa	-	159.697.206
Chi phí bảo hiểm	-	89.930.272
Chi phí thuê đất	-	5.574.994
Chi phí khác	-	16.965.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>379.971.997</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	2.066.919.983
Chi phí sửa chữa	349.472.590	1.948.707.014
Chi duy trì tên miền, website	-	32.762.174
Chi phí khác	-	231.755.375
<b>Cộng</b>	<b>349.472.590</b>	<b>4.280.144.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	37.894.070.184	58.900.265.099	7.174.802.495	514.585.290	104.483.723.068
Tăng trong năm	173.400.728	407.149.000	1.238.171.364	37.400.000	1.856.121.092
<i>Mua sắm mới</i>	173.400.728	407.149.000	-	37.400.000	617.949.728
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	1.238.171.364	-	1.238.171.364
Giảm trong năm	(177.768.000)	-	(172.914.353)	(144.991.397)	(495.673.750)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(177.768.000)	-	(172.914.353)	(144.991.397)	(495.673.750)
<b>Số cuối năm</b>	<b>37.889.702.912</b>	<b>59.307.414.099</b>	<b>8.240.059.506</b>	<b>406.993.893</b>	<b>105.844.170.410</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	11.744.633.103	30.114.087.363	2.280.398.713	294.003.893	44.433.123.072
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	30.225.366.230	44.813.240.886	5.807.630.826	470.454.752	81.316.692.694
Khấu hao trong năm	777.623.041	2.795.458.223	544.375.602	21.669.716	4.139.126.582
Thanh lý, nhượng bán	(177.768.000)	-	(172.914.353)	(144.991.397)	(495.673.750)
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.825.221.271</b>	<b>47.608.699.109</b>	<b>6.179.092.075</b>	<b>347.133.071</b>	<b>84.960.145.526</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	7.668.703.954	14.087.024.213	1.367.171.669	44.130.538	23.167.030.374
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.064.481.641</b>	<b>11.698.714.990</b>	<b>2.060.967.431</b>	<b>59.860.822</b>	<b>20.884.024.884</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.978.496.949 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.263.023.840	635.338.081	4.898.361.921
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.263.023.840</b>	<b>635.338.081</b>	<b>4.898.361.921</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	354.458.117	218.397.465	572.855.582
Khấu hao trong năm	95.755.752	79.417.260	175.173.012
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>450.213.869</b>	<b>297.814.725</b>	<b>748.028.594</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.908.565.723	416.940.616	4.325.506.339
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.812.809.971</b>	<b>337.523.356</b>	<b>4.150.333.327</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.780.809.995 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.404.000	1.238.171.364	(1.238.171.364)	-	6.404.000
Xây dựng cơ bản dở dang	681.248.162	287.658.132	-	-	968.906.294
- Công trình xây dựng nhà máy thủy sản tại Đầm Cùmg	681.248.162	-	-	-	681.248.162
- Công trình xây dựng đường vào Công ty	-	185.135.950	-	-	185.135.950
- Công trình xây dựng kho vật tư	-	102.522.182	-	-	102.522.182
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	74.132.777	-	(74.132.777)	-
<b>Cộng</b>	<b>687.652.162</b>	<b>1.599.962.273</b>	<b>(1.238.171.364)</b>	<b>(74.132.777)</b>	<b>975.310.294</b>

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

#### 11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>4.070.036.417</b>	<b>1.704.761.575</b>
Công ty TNHH một thành viên Mai Linh NH	159.594.764	95.225.800
Công ty TNHH một thành viên thương mại - dịch vụ Thái Thanh Sơn	538.454.400	175.085.825
Công ty TNHH Liên	821.166.955	151.474.185
Xí nghiệp in và bao bì Duy Nhật	681.443.400	288.750.000
Các nhà cung cấp khác	1.869.376.898	994.225.765
<b>Cộng</b>	<b>4.070.036.417</b>	<b>1.704.761.575</b>

#### 11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>472.652.190</b>	<b>383.881.920</b>
Follow Food GMBH	253.068.750	-
Wai Fung Holdings Ltd	219.583.440	383.881.920
<b>Cộng</b>	<b>472.652.190</b>	<b>383.881.920</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.472.659.338	-	65.738.057	(2.176.366.488)	-	(637.969.093)
Thuế thu nhập cá nhân	122.903.777	-	638.152.715	(679.524.161)	81.532.331	-
Thuế tài nguyên	1.456.880	-	26.512.760	(26.093.780)	1.875.860	-
Tiền thuê đất	-	-	866.762.045	(866.762.045)	-	-
Các loại thuế khác	3.578.534	-	191.730.809	(195.142.618)	166.725	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.598.529</b>	<b>-</b>	<b>1.788.896.386</b>	<b>(3.943.889.092)</b>	<b>83.574.916</b>	<b>(637.969.093)</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thu nội địa	Không phải kê khai, tính thuế
Dịch vụ	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.037.421.557	38.088.040.937
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.757.238.529	1.678.801.909
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(144.607.961)
Thu nhập chịu thuế	19.794.660.086	39.622.234.885
Thu nhập được miễn thuế	(19.495.850.736)	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(7.670.036.526)
Thu nhập tính thuế	298.809.350	31.952.198.359
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>65.738.057</b>	<b>7.029.483.639</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>65.738.057</b>	<b>7.029.483.639</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức giá theo qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động	7.135.379.557	7.065.638.639
<b>Cộng</b>	<b><u>7.135.379.557</u></b>	<b><u>7.065.638.639</u></b>

Lương tháng 12, tháng 13 và lương dự phòng năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>919.516.974</b>	<b>1.538.400.862</b>
Chi phí lãi vay phải trả	18.802.905	53.928.433
Chi phí tư vấn và hoa hồng	231.538.338	388.256.132
Chi phí kiểm hàng	129.504.000	170.065.011
Chi phí dự án tôm sinh thái	304.260.970	658.866.042
Chi phí khác	235.410.761	267.285.244
<b>Cộng</b>	<b><u>919.516.974</u></b>	<b><u>1.538.400.862</u></b>

## 16. Phải trả ngắn hạn khác

### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>4.432.566.298</b>	<b>12.208.559.229</b>
Kinh phí công đoàn	224.737.910	201.505.207
Bảo hiểm y tế	87.139.915	13.660.015
Bảo hiểm thất nghiệp	7.332.556	7.332.557

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	150.000.000	70.000.000
Cổ tức phải trả	2.100.182.116	8.884.619.116
Khen thưởng Ban điều hành – phần vượt kế hoạch	-	1.239.337.177
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.863.173.801	1.792.105.157
<b>Cộng</b>	<b><u>4.432.566.298</u></b>	<b><u>12.208.559.229</u></b>

#### 16b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>47.184.352.000</b>	<b>47.184.352.000</b>	<b>84.157.456.900</b>	<b>84.157.456.900</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	46.938.690.000	46.938.690.000	83.526.140.900	83.526.140.900
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	42.429.690.000	42.429.690.000	80.244.350.000	80.244.350.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau <sup>(ii)</sup>	4.509.000.000	4.509.000.000	3.281.790.900	3.281.790.900
Vay dài hạn đến hạn trả	245.662.000	245.662.000	631.316.000	631.316.000
<b>Cộng</b>	<b><u>47.184.352.000</u></b>	<b><u>47.184.352.000</u></b>	<b><u>84.157.456.900</u></b>	<b><u>84.157.456.900</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.8 và V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.8) và hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu bình quân với giá trị là 88 tỷ VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá cuối năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	83.526.140.900	419.441.187.400	-	322.650.000	(456.351.288.300)	46.938.690.000
Vay dài hạn đến hạn trả	631.316.000	-	245.662.000	-	(631.316.000)	245.662.000
<b>Cộng</b>	<b><u>84.157.456.900</u></b>	<b><u>419.441.187.400</u></b>	<b><u>245.662.000</u></b>	<b><u>322.650.000</u></b>	<b><u>(456.982.604.300)</u></b>	<b><u>47.184.352.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	-	385.662.000	385.662.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	385.662.000	385.662.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Năm Căn	-	-	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cà Mau	-	-	245.662.000	245.662.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>385.662.000</b>	<b>385.662.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	385.662.000	1.016.978.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-
Số tiền vay đã trả trong năm	(140.000.000)	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(245.662.000)	(631.316.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>385.662.000</b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.527.710.589	669.162.055	(2.156.606.344)	40.266.300
Quỹ phúc lợi	4.848.435	223.054.018	(123.500.000)	104.402.453
<b>Cộng</b>	<b>1.532.559.024</b>	<b>892.216.073</b>	<b>(2.280.106.344)</b>	<b>144.668.753</b>

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	31.813.751	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(31.813.751)	31.813.751
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>31.813.751</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
1. Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	25.392.170.000	50,78	25.392.170.000	-
2. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	9.487.500.000	18,98	9.487.500.000	-
3. Công ty nuôi trồng thủy sản	2.816.210.000	5,63	2.816.210.000	-
4. Công đoàn cơ sở văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	346.500.000	0,69	346.500.000	-
5. Các cổ đông khác	11.957.620.000	23,92	11.957.620.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	4.900	4.900
- Cổ phiếu phổ thông	4.900	4.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.995.100	4.995.100
- Cổ phiếu phổ thông	4.995.100	4.995.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ.ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng (11% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	2.453.594.200
• Trích quỹ phúc lợi (03% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	669.162.054
• Trích Quỹ đầu tư phát triển sản xuất (20% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	4.461.080.363
• Thương Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận (05% phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	1.239.337.177
• Chia cổ tức năm 2014 (22%/mệnh giá) :	10.989.220.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức	6.784.437.000	3.720.642.400
<b>Cộng</b>	<b><u>6.784.437.000</u></b>	<b><u>3.720.642.400</u></b>

## 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	194.694.217	138.494.828
Trên 01 năm đến 05 năm	778.776.868	553.979.312
Trên 05 năm	2.939.882.677	2.229.766.731
<b>Cộng</b>	<b><u>3.913.353.762</u></b>	<b><u>2.922.240.871</u></b>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 30 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau công bố.

### 21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	548.598,75	33.647,31

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	43.681.732
Doanh thu bán thành phẩm	690.227.314.199	942.690.559.189
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	149.801.833
<b>Cộng</b>	<b><u>690.227.314.199</u></b>	<b><u>942.884.042.754</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần</b>		
Bán thành phẩm	4.627.022.400	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	1.023.207.360
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.023.207.360</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	52.133.734
Giá vốn của thành phẩm đã bán	638.568.431.227	842.971.160.918
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(10.506.092.692)	16.918.677.467
<b>Cộng</b>	<b>628.062.338.535</b>	<b>859.941.972.119</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.346.947	31.298.017
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.708.274.191	2.409.751.457
<b>Cộng</b>	<b>3.746.621.138</b>	<b>2.441.049.474</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.021.236.700	4.666.827.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	356.567.471	115.247.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.177.212.518	1.845.004.826
<b>Cộng</b>	<b>8.555.016.689</b>	<b>6.627.079.110</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.953.130.423	1.902.907.729
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	436.970.168	559.611.340
Chi phí công cụ, dụng cụ	820.000	39.463.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	521.448.003	538.544.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.520.035.420	15.353.177.931
Chi phí khác	6.420.929.828	8.876.213.891
<b>Cộng</b>	<b>23.853.333.842</b>	<b>27.269.918.644</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.023.683.109	4.043.814.746
Chi phí vật liệu quản lý	1.963.185.367	589.355.693
Chi phí công cụ văn phòng	485.334.151	666.047.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.779.634	248.963.882
Thuế, phí và lệ phí	912.065.546	273.935.989
Chi phí dự phòng	1.841.479.975	3.445.094.288

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.079.667.348	661.781.983
Chi phí khác	3.201.354.431	2.577.382.139
<b>Cộng</b>	<b><u>15.811.549.561</u></b>	<b><u>12.506.376.158</u></b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.272.727	9.090.909
Thu nhượng bán cải tạo sân phơi đầu vỏ tôm	72.727.273	-
Thu cho thuê	67.609.091	9.090.909
Thu phí vệ sinh, tiền điện	111.925.282	74.200.000
Thu khoán ruộng tôm	90.909.090	154.545.455
Thu bán phế liệu	111.460.680	105.483.863
Thu nhập khác	6.414.283	118.191.369
<b>Cộng</b>	<b><u>488.318.426</u></b>	<b><u>470.602.505</u></b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.787.704	24.642.308
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	87.755.748	314.458.097
Chi hỗ trợ	27.000.000	-
Chi phí điện	10.050.127	-
<b>Cộng</b>	<b><u>142.593.579</u></b>	<b><u>339.100.405</u></b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	31.813.751
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(31.813.751)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(31.813.751)</u></b>	<b><u>31.813.751</u></b>
<b>11. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.003.497.251	31.026.743.547
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.860.129.627)	(3.122.756.254)
- Thưởng Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(150.174.863)	(1.239.337.177)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.993.192.761	26.664.650.116
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.995.100	4.995.100
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.002</u></b>	<b><u>5.338</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.995.100	4.995.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>4.995.100</u></b>	<b><u>4.995.100</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.211 VND xuống còn 5.338 VND.

#### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	575.060.640.620	870.372.416.500
Chi phí nhân công	32.649.590.830	32.443.863.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.314.299.594	5.013.499.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.944.589.088	22.294.746.151
Chi phí khác	11.638.431.002	16.698.047.861
<b>Cộng</b>	<b><u>645.607.551.134</u></b>	<b><u>946.822.573.034</u></b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	419.441.187.400	592.847.852.131
<b>Cộng</b>	<b><u>419.441.187.400</u></b>	<b><u>592.847.852.131</u></b>

#### 2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	457.122.604.300	572.143.527.981
<b>Cộng</b>	<b><u>457.122.604.300</u></b>	<b><u>572.143.527.981</u></b>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thưởng	1.522.721.000	1.378.852.000
Thù lao và phụ cấp	123.392.000	574.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.646.113.000</b>	<b>1.952.852.000</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần</b>		
Chi trả cổ tức	3.554.903.800	2.031.373.600
<b>Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước</b>		
Chi trả cổ tức	-	759.000.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. *Số liệu so sánh*

### 2a. *Áp dụng chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này.

#### 2b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	579.221.772	86.100.000	665.321.772	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	86.100.000	(86.100.000)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	-	17.820.000	17.820.000	(ii)
Tài sản dài hạn khác	268	17.820.000	(17.820.000)	-	(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	9.104.748.314	2.245.515.970	11.350.264.284	(iii)

- (i) Chuyển số dư khoản tạm ứng từ tài sản ngắn hạn khác sang phải thu ngắn hạn khác.
- (ii) Chuyển số dư khoản ký quỹ, ký cược dài hạn từ tài sản dài hạn khác sang phải thu dài hạn khác.
- (iii) Chuyển số dư từ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển.

#### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động thủy sản. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán nước đá, nước đóng chai (doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	58.968.998.927	135.906.510.846
Nước ngoài	631.258.315.272	805.954.324.548
<b>Cộng</b>	<b>690.227.314.199</b>	<b>941.860.835.394</b>

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.218.180.727	-	-	-	13.218.180.727
Phải thu khách hàng	26.589.261.792	-	-	89.375.000	26.678.636.792
Các khoản phải thu khác	158.040.617	-	-	70.000.000	228.040.617
<b>Cộng</b>	<b>39.965.483.136</b>	-	-	<b>159.375.000</b>	<b>40.124.858.136</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.945.995.929	-	-	-	8.945.995.929
Phải thu khách hàng	30.667.039.420	-	-	1.050.976.000	31.718.015.420
Các khoản phải thu khác	233.209.324	-	-	118.398.749	351.608.073
<b>Cộng</b>	<b>39.846.244.673</b>	-	-	<b>1.169.374.749</b>	<b>41.015.619.422</b>

### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	4.070.036.417	-	-	4.070.036.417
Vay và nợ	47.184.352.000	-	-	47.184.352.000
Các khoản phải trả khác	5.032.872.891	-	-	5.032.872.891
<b>Cộng</b>	<b>56.287.261.308</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.287.261.308</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	1.704.761.575	-	-	1.704.761.575
Vay và nợ	84.809.677.848	408.788.250	-	85.218.466.098
Các khoản phải trả khác	12.285.125.135	-	-	12.285.125.135
<b>Cộng</b>	<b>98.799.564.558</b>	<b>408.788.250</b>	<b>-</b>	<b>99.208.352.808</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	548.598,75	33.647,31
Phải thu khách hàng	643.272,00	1.134.186,00
Vay và nợ	(2.082.000,00)	(3.908.570,00)
Các khoản phải trả khác	(72.591,51)	(72.963,69)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(962.720,76)</b>	<b>(2.813.700,38)</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 431.876.533 VND (năm trước giảm/tăng 938.008.923 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển hợp tác vùng nuôi tôm để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.218.180.727	-	8.945.995.929	-	13.218.180.727	8.945.995.929
Phải thu khách hàng	26.678.636.792	(89.375.000)	31.718.015.420	(1.050.976.000)	26.589.261.792	30.667.039.420
Các khoản phải thu khác	228.040.617	(70.000.000)	351.608.073	(118.398.749)	158.040.617	233.209.324
<b>Cộng</b>	<b>40.124.858.136</b>	<b>(159.375.000)</b>	<b>41.015.619.422</b>	<b>(1.169.374.749)</b>	<b>39.965.483.136</b>	<b>39.846.244.673</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	4.070.036.417	1.704.761.575	4.070.036.417	1.704.761.575
Vay và nợ	47.184.352.000	84.543.118.900	47.184.352.000	84.543.118.900
Các khoản phải trả khác	5.032.872.891	12.285.125.135	5.032.872.891	12.285.125.135
<b>Cộng</b>	<b>56.287.261.308</b>	<b>98.533.005.610</b>	<b>56.287.261.308</b>	<b>98.533.005.610</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Lê Thành Đạt  
Người lập biểu

Nguyễn Phước An  
Kế toán trưởng



Ngô Minh Hiễn  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN


Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

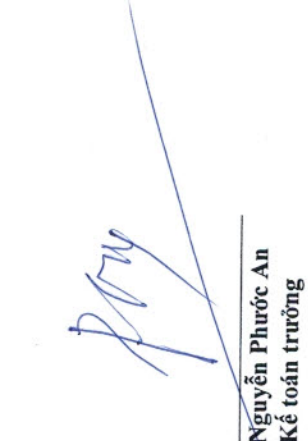
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	5.758.938.042	1.130.245.879	(8.721.341.734)	48.561.099.187	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	31.026.743.547	31.026.743.547	
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(10.989.220.000)	(10.989.220.000)	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	3.345.810.272	1.115.270.091	(7.930.957.721)	(3.469.877.358)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>442.257.000</b>	<b>(49.000.000)</b>	<b>9.104.748.314</b>	<b>2.245.515.970</b>	<b>3.385.224.092</b>	<b>65.128.745.376</b>	
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	11.350.264.284	-	3.385.224.092	65.128.745.376	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	18.003.497.251	18.003.497.251	
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(892.216.073)	(892.216.073)	
Chi nộp phạt theo biên bản kiểm tra thuế các năm trước	-	-	-	-	-	(67.007.938)	(67.007.938)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>442.257.000</b>	<b>(49.000.000)</b>	<b>11.350.264.284</b>	<b>-</b>	<b>20.429.497.332</b>	<b>82.173.018.616</b>	

Cà Mau, ngày 30 tháng 01 năm 2016





Nguyễn Phước An  
Kế toán trưởng

Ngô Minh Hiền  
Tổng Giám đốc



Lê Thành Đạt  
Người lập biểu

